

Bản án số: 203/2024/KDTM-ST

Ngày: 27-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Lan
- Ông Lê Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 649/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T2; Trụ sở: Tầng A Tòa nhà I số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu T; Địa chỉ: Tầng A khu V số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 nhà T1); Trụ sở: I Ni Sư H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn G – sinh ngày 24/9/1973 là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; Địa chỉ: I Ni Sư H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH T2 do bà Nguyễn Thị Thu T là người đại diện theo pháp luật trình bày: Ngày 13/6/2016, Công Ty Cổ Phần Đ có tên cũ là Công ty TNHH T3 (sau đây gọi là bị đơn) có đặt đơn hàng mua của Công ty TNHH T2 (sau đây gọi là nguyên đơn) về việc cung cấp giấy dán tường với tổng giá trị hợp đồng bao gồm thuế VAT 53.032.320 đồng. sau khi thống nhất những nội dung như trên, cùng ngày bị đơn đã chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn 40% tổng giá trị đơn hàng tương ứng số tiền 21.212.928 đồng. Theo yêu cầu của bị đơn, nguyên đơn đã xuất hóa đơn VAT số

0000137. Ngày 20/6/2016, nguyên đơn đã giao đủ số lượng hàng hóa tại địa chỉ bị đơn cung cấp và nhân viên của bị đơn đã ký nhận. Sau đó, nhiều lần nguyên đơn đã liên hệ điện thoại, gửi công văn đề nghị thanh toán qua email, gửi thư đến địa chỉ của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại nhưng bị đơn nhiều lần lẩn tránh và không muốn thanh toán công nợ.

Nhận thấy hành vi không thanh toán công nợ quá hạn của bị đơn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên khởi kiện đề nghị Tòa xem xét giải quyết yêu cầu sau:

- Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 31.819.392 đồng (Ba mươi một triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm chín mươi hai đồng).

- Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi tính từ ngày 30/8/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất trả chậm là 10%/ năm.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 Địa ốc nhà T1) vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn vắng mặt tại Tòa nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những lời trình bày trước đây cũng như yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền mua hàng còn thiếu là 31.819.392 đồng.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với khoản tiền lãi phát sinh trên tiền gốc tạm tính từ ngày 30/8/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn: Vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 31.819.392 đồng là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi là tự nguyện không trái pháp luật nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Phía nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền mua bán hóa còn thiếu là 31.819.392 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thấy:

Bị đơn đã được Tòa thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình trong việc xác nhận hay phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xem xét.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo thỏa thuận của hai bên, bị đơn đặt mua 180m giấy dán tường, đơn giá 267.840 đồng/m, giá trị đơn hàng là 48.211.200 đồng và 10% thuế VAT, tổng số tiền thanh toán là 53.032.320 đồng. Bị đơn đã thực hiện chuyển khoản qua Ngân hàng Á vào tài khoản của nguyên đơn 40% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 21.212.928 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn VAT số 0000137 ngày 13/6/2016 theo yêu cầu của nguyên đơn và ngày 20/6/2016, bị đơn đã ký nhận hàng. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nên được quyền yêu cầu bị đơn thanh toán. Bị đơn đã nhận hàng và cũng đã yêu cầu nguyên đơn xuất hóa đơn trên tổng giá trị đơn hàng nhưng không thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng là 31.819.392 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50 Luật Thương mại nên có nghĩa vụ thanh toán ngay một lần số tiền trên cho nguyên đơn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền còn thiếu 31.819.392 đồng, thấy: Do nguyên đơn rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét.

[3] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24, 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH T2.

1.1/ Buộc Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 nhà T1) có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty TNHH T2 số tiền là 31.819.392 đồng (Ba mươi một triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm chín mươi hai đồng).

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 T1) trả số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền còn thiếu như nêu trên.

1.3/ Kể từ ngày Công ty TNHH T2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 Địa ốc nhà T1) chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 nhà T1) phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ (tên cũ Công ty TNHH T3 nhà T1) phải chịu án phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Công ty TNHH T2 được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0024365 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo